

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Bà Võ Thị Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cảnh Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ Ch; Sinh năm: 1980. Cư trú tại: ấp Ch, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Lê Văn K; Sinh năm: 1980. Cư trú tại: ấp Ng, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, Đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 25/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ Ch trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ch và ông Lê Văn K tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 22/3/2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L (Nay là huyện Tr), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36, ngày 22/3/2007. Sau khi kết hôn,

thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Lê Văn K có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, ông K bỏ nhà ra đi, bà Ch và ông K sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà Ch xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn, nên bà Ch yêu cầu ly hôn với ông K. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Ch và ông K có 02 người con chung tên là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010. Hiện nay, D và H đang sống chung với bà Ch. Theo đơn khởi kiện bà Ch yêu cầu được nuôi con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho đến khi thành niên, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật, mỗi con, mỗi tháng là 2.500.000 đồng/tháng và yêu cầu ông K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 (Thời gian này là thời gian ông K bỏ đi theo người phụ nữ khác không cùng với bà Ch chăm sóc và nuôi con) là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*); Tại phiên tòa bà Ch xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà Ch yêu cầu được nuôi con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho đến khi thành niên, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật, mỗi con, mỗi tháng là 745.000 đồng/tháng và yêu cầu ông K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*); Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Ch và ông K có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận xong, nên bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 11 tháng 01 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lê Văn K trình bày: Ông K thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ Ch. Về con chung: Ông K thống nhất giao con chung Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho bà Ch nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông K sẽ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con, mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Ông K không thống nhất trợ cấp cho 02 con theo yêu cầu của bà Ch, vì trong quá trình chia tài sản chung của vợ chồng, ông K và bà Ch đã thỏa thuận ông K lấy phần tài sản ít, bà Ch lấy phần tài sản nhiều, coi như đó là phần tiền bù đắp cho bà Ch nuôi con, cụ thể trong tổng khối tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 căn nhà cấp 4, có kết cấu cột đúc bê tông, vách xây tường, mái lợp tôn, nền lát xi măng, chiều ngang 07 mét, dài chạy hết đất (nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất chuyển nhượng vào năm 2005), đất tọa lạc ấp Chợ, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, đất do bà Ch đang quản lý; 01 thửa đất có diện tích 16.448,0m², thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 46, tọa lạc ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ Ch vào ngày 02/6/2017, đất hiện nay do bà Nguyễn Thị Mỹ Ch đang quản lý và 01 thửa đất có diện tích 9.837m², thuộc thửa đất số 283, tờ bản đồ số 46, tọa lạc ấp Đầu

giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ Ch vào ngày 02/6/2017, đất hiện nay do ông Lê Văn K đang quản lý. Trong khối tài sản này, ông K nhận 01 thửa đất có diện tích 9.837m², thuộc thửa đất số 283, tờ bản đồ số 46, tọa lạc ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ Ch vào ngày 02/6/2017, phần tài sản còn lại thì giao cho bà Ch; Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Ch và ông K có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận xong, nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: đề nghị giao cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho bà Ch nuôi dưỡng đến khi thành niên, buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con, mỗi tháng là 1.000.000 đồng, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà Ch về việc yêu cầu ông K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*). Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ Ch yêu cầu được nuôi con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho đến khi thành niên, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật, mỗi con, mỗi tháng là 2.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa bà Ch xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà Ch yêu cầu được nuôi con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho đến khi thành niên, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật, mỗi con, mỗi tháng là 745.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Ch không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ Ch và ông Lê Văn K là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2017 hai bên đã ly thân, từ khi ly thân đến nay, ông bà không cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp hàn gắn về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông K, ông K cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Ch, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Ch. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Ch được ly hôn với ông K.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Ch và ông K có 02 người con chung tên là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010. Hiện nay D và H đang sống chung với bà Ch. Tại phiên tòa bà Ch yêu cầu được nuôi con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho đến khi thành niên, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và yêu cầu ông K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa ông K cũng thống nhất giao con là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho bà Ch nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông K thống nhất cấp dưỡng nuôi con, mỗi con, mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bà Ch cũng thống nhất nhận số tiền cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 con. Ông K không thống nhất trợ cấp cho 02 con theo yêu cầu của bà Ch, vì trong quá trình chia tài sản chung của vợ chồng, ông K và bà Ch đã thỏa thuận ông K lấy phần tài sản ít, bà Ch lấy phần tài sản nhiều, coi như đó là phần tiền bù đắp cho việc bà Ch nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Ch và ông K đã thỏa thuận được việc nuôi con và việc cấp dưỡng. Do đó, cần xử giao cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho bà Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu D và cháu H thành niên. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Ngọc D và cháu Lê Nhật H mỗi cháu, mỗi tháng là 1.000.000 đồng, do bà Nguyễn Thị Mỹ Ch đại diện nhận tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (27/7/2022 DL) cho đến khi cháu Lê Ngọc D và cháu Lê Nhật H thành niên, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông K, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện (bổ sung) của bà Ch về việc yêu cầu ông Lê Văn K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 (Thời gian này là thời gian ông K bỏ đi theo người phụ nữ khác không cùng với bà Ch chăm sóc và nuôi con) là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi*

triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa ông K trình bày trong quá trình chia tài sản chung của vợ chồng, ông K và bà Ch đã thỏa thuận ông K lấy phần tài sản ít, bà Ch lấy phần tài sản nhiều, coi như đó là phần tiền ông K bù đắp cho việc bà Ch nuôi con. Tại phiên tòa bà Ch cũng thừa nhận lời trình bày của ông K là đúng sự thật, ông K nhận phần tài sản ít hơn bà, nhưng bà Ch cho rằng tiền mua tài sản chung là do tiền bà trúng số có được trong thời kỳ hôn nhân mới mua sắm được tài sản, nên ông K phải nhận phần tài sản ít hơn bà, chứ không phải tiền ông K trợ cấp nuôi con ăn học. Xét thấy: Theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân về nguyên tắc là phải chia đôi, nhưng ông K nhận phần tài sản ít hơn bà Ch, bà Ch nhận phần tài sản nhiều hơn ông K. Như vậy, cho thấy lời trình bày của ông K cho rằng phần tài sản của ông để lại cho bà Ch do hai bên thỏa thuận đó là khoản tiền ông trợ cấp cho bà Ch nuôi con ăn học là có căn cứ, nên việc bà Ch yêu cầu ông Lê Văn K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch và ông K không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ch phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Ch.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ Ch được ly hôn với ông Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 05/02/2010 cho bà Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu D và cháu H thành niên. Ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Mỹ Ch đại diện nhận tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ

ngày xét xử sơ thẩm (27/7/2022 DL) cho đến khi cháu D và cháu H thành niên, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông K, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện (bổ sung) của bà Nguyễn Thị Mỹ Ch về việc yêu cầu ông Lê Văn K phải trợ cấp một lần cho 02 con (tiền nuôi con ăn học) từ thời điểm năm 2012 đến năm 2021 là 10 năm, mỗi con là 12.000.000 đồng x 02 con x 10 năm = 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch và ông K không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ch phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà Ch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001906 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, hoàn trả lại cho bà Ch số tiền thừa là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Ông Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Ch và ông K biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên